

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày 28-4-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hà

Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số 130 P, Phường X, quận P1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T – Giám đốc Phòng giao dịch H - Chi nhánh Hải Phòng- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Văn bản ủy quyền số 932/QĐ-DAB-PC ngày 11 tháng 5 năm 2022); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T2; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2022 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 5 năm 2015, giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị T1 đã ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ theo chương trình dành cho vay tín chấp thành viên Hội phụ nữ xã N. Số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Chương trình vay tiền chỉ dành cho người vay là nữ, lãi suất là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất vay trong hạn. Người bảo lãnh là ông Phạm Văn T2 cam kết nếu bà T1 không trả được nợ thì ông Tuyên là người trả toàn bộ khoản nợ thay cho bà T1. Bà T1 đã nhận đủ tiền, sau đó bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, đã nhiều lần thương lượng để bà T1 trả nợ dần nhưng bà T1, ông Tuyên vẫn không thực hiện theo hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu bà T1 phải trả Ngân hàng số tiền gốc là 1.686.152 đồng, nợ lãi trong hạn là 153.848 đồng, lãi quá hạn là 3.329.449 đồng. Nếu bà T1 không trả được nợ thì ông Phạm Văn T2 phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà T1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có địa chỉ ở xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vụ án này, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào hợp đồng đã được ký kết, bản cam kết trả nợ, giấy nhận nợ, bảng lịch trình trả nợ, sao kê quá trình trả nợ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 12 tháng 5 năm 2015, giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị T1 đã ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ theo chương trình dành cho vay tín chấp thành viên Hội phụ nữ xã N. Số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Người bảo lãnh là ông Phạm Văn T2 cam kết nếu bà T1 không trả được nợ thì ông Tuyên là người trả toàn bộ khoản nợ thay cho bà T1. Ngân hàng đã thực hiện đúng theo hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ tiền. Bà T1 đã vi phạm hợp đồng không thanh toán tiền gốc, tiền lãi theo đúng kỳ hạn trong hợp đồng đã thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, thương lượng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 401, Điều 474 Bộ luật Dân sự

năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.686.152 đồng, nợ lãi trong hạn là 153.848 đồng, lãi quá hạn là 3.278.162 đồng. Nếu bà T1 không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì ông Phạm Văn T2 phải có trách nhiệm trả nợ thay là phù hợp với các điều 361, 363 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 401, 474, 361, 363 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ như sau: Bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền tính đến hết ngày 28 tháng 4 năm 2023 tổng cộng là 5.169.449 (Năm triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi chín) đồng, bao gồm số nợ gốc là 1.686.152 đồng, nợ lãi trong hạn là 153.848 đồng, lãi quá hạn là 3.329.449 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì ông Phạm Văn T2 phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 12 tháng 5 năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0004426 ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý